

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-ST
Ngày 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào D Trâm, ông Nguyễn Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H; sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà H, Quốc Lộ B, Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị Bích L; sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm G, thôn T, xã K, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N; sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà H, Quốc Lộ B, Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn bổ sung ngày 14/8/2019 của ông Nguyễn Đức H, lời khai trong quá trình tố tụng của vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Huỳnh Thị N có nội dung:

Vào tháng 4/2017, vợ chồng tôi cho chị L vay 40.000.000 đồng với lãi suất 1%/ tháng. Đến tháng 10/2017, hai bên thoả thuận chị L bán cho chúng tôi 01 tấn cà phê Robusta, loại 15% độ ẩm, 05% hạt đen vỡ và 01% tạp chất với giá 37.500.000đ, tiền mua cà phê được trừ vào số tiền chị L đã vay, số tiền còn lại chị L đã thanh toán cho chúng tôi. Đồng thời chúng tôi thoả thuận gửi cà phê cho chị L, khi nào cần sẽ bán cà phê cho chị L theo giá thoả thuận. Đến tháng 3/2018 chúng tôi gặp chị L thoả thuận giá cả để bán cà phê nhưng chị L không trả tiền, không trả cà phê cho chúng tôi. Do các giao dịch trước đó không lập giấy tờ, nên chúng tôi đã ghi âm lại nội dung trao đổi với chị L, trong đó chị L thừa nhận có nợ chúng tôi 01 tấn cà phê.

Do quen biết nên anh D là thợ làm cửa sắt nhờ chúng tôi giới thiệu người tư vấn để vay vốn ngân hàng. Do biết chị L đã nhiều lần vay ngân hàng nên chúng tôi có giới thiệu để chị L tư vấn cho anh D. Chúng tôi không giới thiệu D là cháu của chúng tôi, không trực tiếp hoặc điện thoại nói với chị L cho anh D vay tiền hoặc ứng cà phê, không bảo lãnh cho anh D ứng cà phê của chị L. Chúng tôi chỉ biết việc anh D ứng cà phê của chị L sau khi chị L nói việc này cho chúng tôi biết. Giữa chúng tôi và chị L không thoả thuận về việc chúng tôi sẽ thay chị L nhận 1 tấn cà phê của anh D. Do chị L không trả tiền, không trả cà phê nên chúng tôi khởi kiện yêu cầu chị L trả cho chúng tôi 1 tấn cà phê bằng tiền theo giá thị trường hiện nay là 33.000.000đ.

Chứng cứ để chứng minh là 01 thiết bị USB chứa 01 file ghi âm

Bị đơn bà Phan Thị Bích L trình bày:

Tôi kinh doanh cà phê và có con là học sinh do ông H là thầy giáo. Vào tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2017, tôi có vay của ông H 40.000.000đ với lãi suất 1%/tháng. Đến tháng 10/2017 thì hai bên thoả thuận tôi bán cho ông H 01 tấn cà phê Robusta loại 15% độ ẩm, 05% hạt đen vỡ và 01% tạp chất với giá 37.500.000đ, thoả thuận tiền mua cà phê được trừ vào số tiền tôi đã vay của ông H và ông H gửi cà phê ở nhà tôi, khi nào ông H bán thì sẽ thống nhất giá cả bán cà phê cho tôi là đúng.

Vào khoảng tháng 11/2017, ông H dẫn một người đến giới thiệu với tôi là cháu của ông H tên là D và nhờ tôi tư vấn cho anh D vay vốn ngân hàng. Đến ngày 22/11/2017, ông H gọi điện thoại cho tôi nói cho anh D ứng 1 tấn cà phê và ông H sẽ đứng ra bảo lãnh. Đến trưa ngày 22/11/2017 thì vợ anh D tên là Nguyễn Thị Hồng Phượng đến nhà tôi nhận 37.500.000đ là tiền ứng 01 tấn cà phê. Sau khi nhận tiền chị Phượng ký nhận tiền trong sổ của tôi. Khoảng 2 hoặc 3 tuần sau, ông H và tôi đã thống nhất với nhau là ông H sẽ thay tôi nhận của anh D 01 tấn cà phê và tôi không

pH trả 01 tấn cà phê cho ông H. Khi đó có chị dâu của tôi là Lê Thị Hiếu và khách hàng của tôi là anh K' Bim chứng kiến

Đến tháng 4/2018, ông H nói với tôi là vợ chồng anh D, chị Phượng vỡ nợ bỏ đi đâu không biết nên ông H yêu cầu tôi trả 01 tấn cà phê. Tôi xác định không còn nợ nên không chấp nhận trả 01 tấn cà phê cho ông H.

Chứng cứ chứng minh là giấy tay nhận 01 tấn cà phê ghi ngày 12/11/2017 có chữ ký và ghi họ, tên là Nguyễn Thị Hồng Phượng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 01 tấn cà phê nhân theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 33.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông H và bà L đều xác nhận bà L có vay của ông H 40.000.000 đồng vào tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2017. Sau đó hai bên thỏa thuận bà L bán cho ông H 01 tấn cà phê Robusta loại 15% độ ẩm, 05% hạt đen vỡ và 01% tạp chất với giá 37.500.000đ, số tiền mua cà phê được trừ vào số tiền bà L đã vay, số tiền thừa bà L đã trả cho ông H. Khi mua bán cà phê, hai bên thỏa thuận ông H gửi tại nhà bà L 01 tấn cà phê đã mua, khi nào cần sẽ bán 01 tấn cà phê này cho bà L theo giá thỏa thuận. Đến khi ông H yêu cầu bán cà phê cho bà L để lấy tiền thì bà L không trả tiền và cũng không trả cà phê cho vợ chồng ông H nên xảy ra tranh chấp.

[2] Nay bà L cho rằng ông H bảo lãnh cho anh D ứng 01 tấn cà phê của bà L, sau đó bà L và ông H đã thỏa thuận về việc ông H sẽ thay bà L nhận của anh D 01 tấn cà phê mà anh D đã ứng của bà L để trừ vào 01 tấn cà phê bà L đã mua của ông H. Trong quá trình thu thập chứng cứ, người làm chứng là chị Lê Thị Hiếu và anh K' Bim khai có nghe thấy bà L nhờ ông H lấy giúp 01 tấn cà phê của anh D và ông H đồng ý. Tuy nhiên, vợ chồng ông H không thừa nhận lời khai của bà L và của người làm chứng, bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Mặt khác, bà L và vợ chồng ông H đều khai vợ chồng anh D đã bỏ đi trước khi

ông H khởi kiện nên không biết địa chỉ cung cấp cho Tòa án triệu tập anh D để đối chất làm rõ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bà L. Tại phiên tòa, các đương sự cùng xác định loại cà phê Robusta có 15% độ ẩm, 05% hạt đen vỡ và 01% tạp chất theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 33.000.000 đồng/tấn. Do đó, cần áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự, buộc bà L pH trả cho vợ chồng ông H 01 tấn cà phê theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 33.000.000 đồng. Về quan hệ mua bán cà phê giữa bà L và vợ chồng anh D nếu có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền pH thanh toán là $33.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.650.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H. Buộc bà Phan Thị Bích L phải trả cho ông Nguyễn Đức H, bà Huỳnh Thị N số tiền 33.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Phan Thị Bích L phải nộp 1.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức H 825.000 tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0014406 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ